

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Quý;

Ông Hồ Quang Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L - sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Mai Văn Đ - sinh năm 1976;

Trú tại: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 (nộp Tòa án cùng ngày), bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Văn Đ tự nguyện yêu thương, về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 22 tháng 01 năm 2013.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà về sống chung nhà mẹ chồng tại Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Đ sống vô trách nhiệm, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, bỏ bà một mình bươn chải, lo toan cuộc sống trong gia đình, thậm chí nhiều lần nghe lời gia đình đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà; bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông Đ không có sự thay đổi, dần dần tình cảm giữa cả hai ngày càng phai nhạt, do không sống chung được nữa nên bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10/2023, từ đó ông Đ bỏ mặc mối quan hệ giữa vợ chồng, không có biện pháp hòa giải hàn gắn mâu thuẫn nên mâu thuẫn không giải quyết được, đến nay, bà L xác định tình cảm giữa bà và ông Đ đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) con chung là Mai Phạm Huỳnh N – sinh ngày 21/06/2013 và Mai Như Ý – sinh ngày 28/10/2018; hiện tại, các con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định giữa bà và ông Đ không có nợ chung.

Đối với ông Mai Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông Đ cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung:* Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Văn Đ; ông Đ có nơi cư trú ở Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa bà L với ông Đ là “*Tranh chấp về ly hôn*” và Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà ông Đ cư trú.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn Đ dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Mai Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Trần Thị L và ông Mai Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 22 tháng 01 năm 2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn Đ. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ, theo bà L xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông Đ sống vô trách nhiệm, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, bỏ mặc bà L một mình bươn chải cuộc sống trong gia đình, nhiều lúc còn đánh đập và đuổi bà L ra khỏi nhà. Mặc dù bà L cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không thành công, bà L và ông Đ đã sống ly thân, ông Đ bỏ mặc mối quan hệ, không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn giữa ông và bà nên mâu thuẫn không giải quyết được; bà L xác định hiện tại giữa bà và ông Đ đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt, từ chuyện tình cảm cho đến kinh tế.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Văn Đ cũng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Trần Thị L nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn giữa ông và bà L. Điều đó chứng tỏ ông Đ đã bỏ mặc mối quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa ông và bà L nữa.

[2.3] Theo biên bản xác minh ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công an xã V cung cấp thông tin: Địa phương không rõ mâu thuẫn giữa bà L, ông Đ do không có trình báo tuy nhiên địa phương cũng xác nhận hiện tại ông Đ, bà L đã không còn sống chung với nhau nữa.

[2.4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị L và ông Mai Văn Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Mai Văn Đ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[3.1] Bà L và ông Đ có 02 (hai) con chung là Mai Phạm Huỳnh N - sinh ngày 21/06/2013 và Mai Như Ý - sinh ngày 28/10/2018; bà L trình bày hiện tại bà đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

[3.2] Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã gửi cho ông Đ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó đã thể hiện yêu cầu nuôi con chung của bà L nhưng ông Đ không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu này của bà L nên Hội đồng xét xử căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn trình bày để xem xét. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2023, cháu N cũng có nguyện vọng muốn được chung sống cùng mẹ. Mặt khác, theo lời bà L trình bày thì sau khi vợ chồng không còn sống chung, các con chung đang sinh sống cùng với bà, cuộc sống đã đi vào ổn định; đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 20/11/2023, Công an xã V cũng xác nhận hiện tại, 02 (hai) con chung Mai Phạm Huỳnh N và Mai Như Ý đang sinh sống cùng bà Trần Thị L.

Do đó, để tạo điều kiện phát triển mọi mặt cho con chung, xét thấy cần tiếp tục giao con chung là Mai Phạm Huỳnh N – sinh ngày 21/06/2013 và Mai Như Ý – sinh ngày 28/10/2018 cho bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L xác định bà và ông Đ không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Mai Văn Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là Mai Phạm Huỳnh N – sinh ngày 21/06/2013 và Mai Như Ý – sinh ngày 28/10/2018 cho bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bà Trần Thị L không yêu cầu ông Mai Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Mai Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà L, ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0002031 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)*
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng *(Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 22 tháng 01 năm 2013);*
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, AV, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng